

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Báo cáo của Ban Điều hành và
Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán
Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam
đã được soát xét

Ngày 30 tháng 06 năm 2014



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng quản trị	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 65

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng") là công ty thành viên của Tập đoàn Bảo Việt và do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 52% vốn. Tập đoàn Bảo Việt là một doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa (tên trước khi cổ phần hóa là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam) và chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 15 tháng 10 năm 2007.

Ngân hàng được thành lập ngày 11 tháng 12 năm 2008 theo Giấy phép số 328/GP-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 12 năm 2012.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 30 tháng 06 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính và chín (9) chi nhánh chính tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lưu Quyết Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 05 năm 2014
Ông Lê Trung Hưng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 Từ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 05 năm 2014
Ông Bùi Quốc Vương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 05 năm 2014
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Ông Dương Đức Chuyển	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 Từ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Bà Kim Thị Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Khánh	Trưởng Ban	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Ông Trần Hoài Phương	Trưởng Ban	Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 3 năm 2011 Từ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Bà Lê Anh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 12 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 05 năm 2014

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Điều hành và kế toán trưởng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 06 năm 2012
Ông Tôn Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 1 năm 2009
Ông Lưu Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 05 năm 2013
		Từ nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2014 để giữ chức vụ Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Ông Võ Trung Thành	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 09 năm 2013
Ông Nguyễn trường Thọ	Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ	Bổ nhiệm vào ngày 25 tháng 09 năm 2013
Bà Bùi Việt Anh	Giám đốc Khối Kinh doanh tiền tệ	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Đăng Long	Quyền Kế toán trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 03 tháng 01 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Tuấn, Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Ngân hàng. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Lưu Quyết Thắng
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 08 năm 2014

Số tham chiếu: 60780870/17122733

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng") được trình bày từ trang 5 đến trang 65 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0893-2013-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0761-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Thuyết minh	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	112.247.509.141	124.782.141.057
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	143.786.864.251	270.884.987.885
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	7	7.391.613.597.308	4.822.713.426.090
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.1	7.370.978.197.308	4.793.938.801.090
Cho vay các TCTD khác	7.2	20.635.400.000	29.000.000.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	7.2	-	(225.375.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	1.577.861.140.000	1.550.226.698.600
Chứng khoán kinh doanh		1.577.861.140.000	1.550.226.698.600
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		3.597.465.000	99.965.000
Cho vay khách hàng		9.005.461.050.100	7.857.478.064.173
Cho vay khách hàng	9	9.110.865.072.453	7.956.891.545.791
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(105.404.022.353)	(99.413.481.618)
Chứng khoán đầu tư	11	2.240.683.100.610	1.759.602.047.300
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.923.874.659.339	1.669.534.483.741
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		317.408.441.271	90.067.563.559
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(600.000.000)	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn		-	-
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản cố định	12	43.114.638.428	43.086.581.610
Tài sản cố định hữu hình	12.1	35.045.322.988	33.145.892.419
Nguyên giá tài sản cố định		85.254.118.330	77.456.537.930
Hao mòn tài sản cố định		(50.208.795.342)	(44.310.645.511)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	12.2	8.069.315.440	9.940.689.191
Nguyên giá tài sản cố định		60.338.681.123	60.338.681.123
Hao mòn tài sản cố định		(52.269.365.683)	(50.397.991.932)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản Có khác	13	339.309.004.056	359.523.821.914
Các khoản phải thu	13.1	39.649.325.729	14.772.303.737
Các khoản lãi, phí phải thu		215.358.942.463	256.570.442.450
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	13.2	84.300.735.864	88.181.075.727
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
TỔNG TÀI SẢN		20.857.674.368.894	16.788.397.733.629

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt

B02a/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

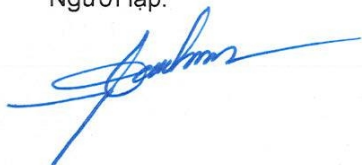
	<i>Thuyết minh</i>	<i>30/06/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14	6.405.040.233.522	4.780.924.221.382
Tiền gửi của các TCTD khác	14.1	6.209.906.233.522	4.517.816.221.382
Vay các TCTD khác	14.2	195.134.000.000	263.108.000.000
Tiền gửi của khách hàng	15	11.066.453.975.313	8.602.306.073.594
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác			
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
Phát hành giấy tờ có giá		-	-
Các khoản nợ khác			
Các khoản lãi, phí phải trả	16	275.887.706.057	221.050.544.099
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		180.892.231.690	182.406.262.712
Các khoản phải trả và công nợ khác		-	-
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn	10.2	94.995.474.367	37.932.730.597
		-	711.550.790
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		17.747.381.914.892	13.604.280.839.075
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn			
Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần		-	-
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Trái phiếu chuyển đổi		-	-
Vốn khác		-	-
Các quỹ dự trữ		75.272.187.908	75.272.187.908
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(12.926.998.993)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối		47.947.265.087	108.844.706.646
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	3.110.292.454.002	3.184.116.894.554
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU		20.857.674.368.894	16.788.397.733.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Bảo lãnh vay vốn		-	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	31	129.399.703.302	-
Bảo lãnh khác	31	43.541.395.209	64.991.582.036
Các cam kết đưa ra		-	-
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
Cam kết khác		-	-
		172.941.098.511	64.991.582.036

Người lập:



Ông Vy Đức Thiện
Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đăng Long
Quyền Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (trình bày lại) VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	716.341.713.073	659.990.324.471
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(571.297.952.556)	(443.997.745.398)
Thu nhập lãi thuần		145.043.760.517	215.992.579.073
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		7.184.624.539	3.593.077.407
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.721.355.385)	(2.231.838.129)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	5.463.269.154	1.361.239.278
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	15.319.328.445	(205.448.262)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	45.715.999.694	19.736.860.246
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		-	-
Thu nhập từ hoạt động khác		228.606.563	6.901.882
Chi phí hoạt động khác		(142.397.540)	(322.779.102)
Lãi thuần từ hoạt động khác	26	86.209.023	(315.877.220)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		211.628.566.833	236.569.353.115
Chi phí tiền lương		(54.726.532.633)	(52.051.987.015)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(7.769.523.582)	(13.612.118.787)
Chi phí hoạt động khác		(69.018.492.718)	(68.834.002.142)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	27	(131.514.548.933)	(134.498.107.944)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		80.114.017.900	102.071.245.171
Chi phí DPRR các khoản cho vay các TCTD	7.2	(7.039.225.000)	952.500.000
Chi phí DPRR các khoản cho vay khách hàng	10.1	(28.924.175.176)	(101.944.757.826)
Chi phí DPRR cho trái phiếu chưa niêm yết		(600.000.000)	
Hoàn nhập DPRR rủi ro các cam kết ngoại bảng	10.2	711.550.790	166.291.733
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		44.262.168.514	1.245.279.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	(9.956.610.073)	(361.971.202)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(9.956.610.073)	(361.971.202)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		34.305.558.441	883.307.876
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	114	3

Người lập:

Ông Vy Đức Thiện
Kế toán

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Đăng Long
Quyền Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

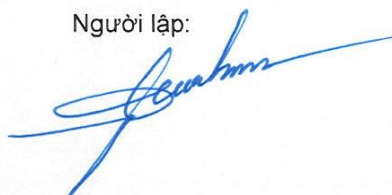
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (trình bày lại) VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		757.553.213.060	714.759.836.492
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(572.811.983.578)	(425.488.592.322)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		5.463.269.154	1.361.239.278
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		61.035.328.139	19.531.411.984
Thu nhập khác		86.209.023	(315.877.220)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(123.745.025.351)	(124.196.107.140)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	17	(28.226.651.652)	(12.397.384.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		99.354.358.795	173.254.526.886
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		8.364.600.000	3.185.556.574.362
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(508.715.494.710)	(991.450.530.409)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(3.497.500.000)	-
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.153.973.526.662)	(1.291.976.624.950)
(Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		-	-
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(20.872.900.923)	(78.453.021.151)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		-	-
(Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		1.624.116.012.140	(1.145.642.587.416)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		2.464.147.901.719	(97.679.701.351)
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		-	-
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động		26.404.551.915	(72.049.261.628)
Tăng/(Giảm) chi từ các quỹ của TCTD		-	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		2.535.204.221.068	(318.440.625.657)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(7.797.580.400)	(4.020.200.261)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.797.580.400)	(4.020.200.261)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 (trình bày lại) VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(90.000.000.000)	-	-
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(90.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.437.406.640.668	(322.460.825.918)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		5.189.605.930.032	1.451.471.585.122
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	28	7.627.012.570.700	1.129.010.759.204

Người lập:



Ông Vy Đức Thiện
Kế toán

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Đăng Long
Quyền Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 08 năm 2014